



# 产 品 规 格 书

TNS-G320240RBDSW-23N

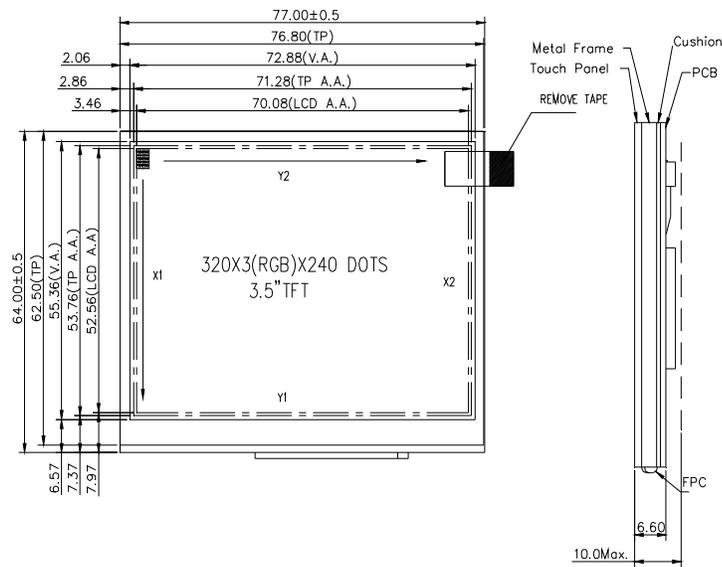
- n 物理参数
- n 外型尺寸图
- n 电气框图
- n 最大绝对额定值
- n 光电特性
- n 引脚连接



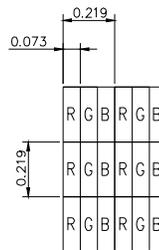
## n 物理参数

项目	内容	单位
模块尺寸 (宽×高×厚度)	77.0(宽)X64.0(高)X10.(最大厚度)	mm
液晶屏类型	TFT彩屏	---
视角	6	O'clock
可视区域 (宽×高)	72.88(宽)X55.36(高)	mm
液晶屏点阵	320X3RGBX240 (3.5")	dots
背光	LED	mm

## n 外型尺寸图



1	GND	21	D11
2	GND	22	D12
3	LED_PMW	23	D13
4	LED_POWER	24	D14
5	/RESET	25	D15
6	D/C	26	NC
7	/CS	27	SLEEP
8	/WR	28	NC
9	/RD	29	GND
10	D0	30	X1
11	D1	31	X2
12	D2	32	Y1
13	D3	33	Y2
14	D4	34	NC
15	D5	35	VDD
16	D6	36	VDD
17	D7	37	VDD
18	D8	38	GND
19	D9	39	GND
20	D10	40	GND





## n 最大绝对额定值 (Ta = 25°C)

参数	符号	最小值	最大值	单位
输入电压	VIN	-0.3	5.0	V
工作温度	TOP	-10	60	°C
贮藏温度	TST	-20	70	°C
湿度	RH	-	90% (MAX60°C)	RH

## n 光电特性

DC Characteristics (Ta=25 °C)

项目	名称	条件	最小值	类型	最大值	单位
内部模拟电路供电电压	VCI	-	2.5	3.3	3.6	V
输入电流	Idd	-	-	10.8	21.6	mA
输入高电平电压	VIH	-	0.8VCI	-	VCI	V
输入低电平电压	VIL	-	0	-	0.2VCI	V
输出高电平电压	VOH	-	0.9VCI	-	VCI	V
输出低电平电压	VOL	-	0	-	0.1VCI	V

## n 背光参数

项目	名称	条件	最小值	类型	最大值	单位
正向电压	Vf	If=15mA	18.0	18.9	19.8	V
亮度	LV		2000	2500	3000	Cd/m <sup>2</sup>
LED灯的个数	-	-	6			Piece
连接模式	S	-	串行			-

## n 引脚连接

引脚编号	名称	说明
1-2	GND	地
3	LED_PMW	背光负极
4	LED_POWER	背光正极
5	/RESET	复位信号
6	D/C	数据时钟信号端



7	/CS	片选信号
8	/WR	写信号
9	/RD	读信号
10-25	D0-D15	数据线0-15
26	NC	不接
27	SLEEP	睡眠模式
28	NC	不接
29	GND	地
30	X1	触摸屏控制端
31	X2	触摸屏控制端
32	Y1	触摸屏控制端
33	Y2	触摸屏控制端
34	NC	不接
35-37	VDD	电源
38-40	GND	地